

Hà Tiên, ngày 23 tháng 4 năm 2024

Số: 10/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số C đường P, Khu phố D, Phường B, TP H tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Minh H1 – Văn phòng luật sư Trần Minh H1, Đoàn luật sư tỉnh K.

Địa chỉ: Số E H, phường V, TP R, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông Lê Cao S, sinh năm 1959 (trong quá trình tham gia tố tụng thì ông Lê Cao S đã chết).

Địa chỉ: Số C đường P, Khu phố D, Phường B, TP H tỉnh Kiên Giang.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Cao S:

1. Bà Nguyễn Thị H2 sinh năm 1960 (vợ ông Lê Cao S).

2. Bà Lê Thị Mỹ H3 sinh năm 1990 (con ông Lê Cao S).

Địa chỉ: Số C đường P, Khu phố D, Phường B, TP H tỉnh Kiên Giang.

3. Bà Lê Thị Mỹ H4, sinh năm 1985 (con ông Lê Cao S).

Địa chỉ: Số B P, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Bà Lê Thị Mỹ H3 và bà Lê Thị Mỹ H4 ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị H2 tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 12/04/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê A, sinh năm 1959 (chồng bà H).

Địa chỉ: Số C đường P, Khu Phố D, Phường B, TP H tỉnh Kiên Giang.

2. Bà Nguyễn Thị H2 sinh năm 1960 (vợ ông S).

Địa chỉ: Số C đường P, Khu phố D, Phường B, TP H tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Bà Nguyễn Kim H có phần đất được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp ngày 20/8/2004 theo giấy CNQSDĐ số Y 411930 thửa 32 diện tích 300m² đất ở đô thị và thửa 43 diện tích 379,5m² đất vườn tờ bản đồ 06 do bà Nguyễn Kim H đứng tên sử dụng. Đất tọa lạc tại khu phố D, phường B, thị xã H (nay là thành phố H) tỉnh Kiên Giang.

*Ông Lê Cao S có phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, nay do bà Nguyễn Thị H2 đứng tên sử dụng (do nhận thừa kế từ ông Lê Cao S) được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H cấp ngày 14/8/2023 theo giấy CNQSDĐ số DH 883642 diện tích 300m² thửa đất số 31, tờ bản đồ số 6 đất ở đô thị.

Nay bà Nguyễn Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 và các đồng thừa kế của ông Lê Cao S gồm bà Lê Thị Mỹ H4, bà Lê Thị Mỹ H3 phải trả lại diện tích đất 6,2m² đất tọa lạc tại khu phố D, phường B, thành phố, H, tỉnh Kiên Giang.

Vị trí đất xác định như sau: Trong diện tích 6,2m² gồm có:

- 6m² đất gồm các cạnh 4;5;6;7;8 (trong đó gồm 0,6m² nằm trong thửa 43 tờ bản đồ 6 diện tích 379,5m² do bà Nguyễn Kim H đứng tên sử dụng và diện tích 5,4m² (gồm 5,2m² (tranh chấp) + 0,2m² (tranh chấp)) nằm trong thửa 32 tờ bản đồ số 6 diện tích 300m² do bà Nguyễn Kim H đứng tên sử dụng.

- Và 0,2m² có cạnh 3;3';5' (hiện bà Nguyễn Thị H2 đang sử dụng) nhưng bà H2 và các đồng thừa kế của ông S cũng thống nhất trả cho bà Nguyễn Kim H cho đúng với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho các bên.

Vị trí đất theo tờ trích đo địa chính số 56-2023 (31,32,43-6) địa điểm khu phố D, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thể hiện ngày 15/9/2023.

Nay bà Nguyễn Thị H2 và các đồng thừa kế của ông Lê Cao S gồm bà Lê Thị Mỹ H4, bà Lê Thị Mỹ H3 đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Kim H diện tích 6,2m² đất theo vị trí như trên.

Về công trình xây dựng trên đất: Trên phần đất 6,2m² có phần vách tường của ông Lê Cao S xây trước đây, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H yêu cầu phía bên bà Nguyễn Thị H2 và các đồng thừa kế của ông Lê Cao S là bà Lê Thị Mỹ H4, bà Lê Thị Mỹ H3 phải tháo dỡ phần bức tường đã xây lấn qua đất của bà H trong diện tích 6,2m² đất được xác định diện tích như trên và tháo dỡ phần mái tole phía sau trùm lên phần đất của bà H.

Bà Nguyễn Thị H2 và các đồng thừa kế của ông Lê Cao S đồng ý tháo dỡ phần bức tường đã xây lấn qua đất của bà H được xác định trong phạm vi sử dụng đất của

bà H trong diện tích 6,2m² đất được xác định như trên và tháo dỡ phần mái tole trùm lên phần đất của bà H (mái tole phần phía sau).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H đối với phần diện tích 8,23 m².

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên tiến hành cưỡng chế buộc bà Nguyễn Thị H2 và các đồng thừa kế trả lại phần diện tích 6,2m² đất trên và tháo dỡ phần bức tường mà trước đây ông Lê Cao S đã xây dựng trên 6,2m² đất của bà Nguyễn Kim H để trả cho bà Nguyễn Kim H sử dụng theo đúng diện tích theo tờ trích đo địa chính số 56-2023 (31,32,43-6) địa điểm Khu phố D, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thể hiện ngày 15/9/2023 và tháo dỡ phần mái tole phía sau trùm lên phần đất của bà H.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Các bên đều chịu và đã thỏa thuận thanh toán xong chi phí nên không có yêu cầu gì.

* Về án phí: Bên bà Nguyễn Kim H tự nguyện nộp 150.000đ nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0004762 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên. Sau khi đối trừ bà Nguyễn Kim H được nhận lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát Tp. Hà Tiên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đăng